

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2022/DS-PT
Ngày: 27-12-2022
V/v *Tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;
Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLPT-DS, ngày 04-11-2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 363/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Ấp B, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Diệp Văn C, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Đường BL khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Trần Thị L, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Ấp CS, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Ấp CS, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Ấp CS, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Tiên Đ, sinh năm: 1965; cư trú tại: Đường Nguyễn Trung Tr, khu phố 2, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà S là ông Diệp Văn C trình bày:*

Bà S và ông Nguyễn Văn R (chết năm 2020) là anh em ruột. Cha mẹ bà S là cụ Nguyễn Văn Kh (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị Ng (chết năm 2016). Ông R có phần đất diện tích 11.677 m², đo đạc thực tế là 13.059,8 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00287/QSDĐ ngày 03 tháng 6 năm 1994 do UBND huyện Bến Cầu cấp, Ông R đứng tên. Nguồn gốc đất là do cha mẹ ruột của Ông R và bà S tặng cho riêng Ông R, là tài sản riêng của Ông R.

Ông R có vợ là bà Trần Thị L và 04 người con là Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị D. Trong thời gian chung sống thì vợ con Ông R thường xuyên đánh đập, ngược đãi Ông R nên từ năm 2018 việc ăn uống của Ông R là do bà S chăm lo mặc dù Ông R vẫn sống chung nhà với bà L.

Ngày 21/8/2020, Ông R nhờ bà S chờ đi công việc nhưng bà S không biết là việc gì. Khi về nhà, Ông R đưa cho bà tờ Di chúc và giấy chứng nhận QSDĐ thì bà mới biết là Ông R có lập di chúc tại Công ty luật TNHH Quốc Tế An Phú có sự chứng kiến của những người sau: Người thứ nhất là bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1970, nơi cư trú: Ấp TÂ, xã TrĐ, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh là em ruột của Ông R; người thứ hai là nhân viên của Công ty luật tên Dương Lê T, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Đường Bời Lời, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; người thứ ba là bà Ngô Thị Lệ X, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Di chúc lập chỉ 01 bản do bà S giữ. Nội dung di chúc là khi Ông R chết thì phần đất nêu trên giao cho bà S hưởng.

Ngày 30/10/2020, Ông R chết, bà S có yêu cầu bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D là vợ và các

con của Ông R thực hiện theo di chúc để giao lại QSDĐ cho bà nhưng những người này không đồng ý nên bà khởi kiện yêu cầu bà L, anh Lý, anh Tý, anh Hon và chị Diễm phải chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của Ông R để lại giao cho bà hưởng toàn bộ diện tích 13.059,8 m² tại ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh thuộc giấy chứng nhận QSDĐ Ông R đứng tên và tài sản là cây trồng trên đất, tổng trị giá là 1.441.578.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi một nghìn năm trăm bảy mươi tám) đồng.

Về phần diện tích hiện trạng có chênh lệch so với diện tích được cấp giấy, bà L không chứng minh được do bà L và Ông R nhận chuyển nhượng hay khai phá thêm nên không có cơ sở xác định đó là tài sản chung của bà L và Ông R.

Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S về việc chia thừa kế theo di chúc của Ông R, đối với phần di sản vợ và con Ông R được hưởng theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc thì bà S sẽ thanh toán bằng giá trị cho bà L và các con bà L.

- Tại các biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Lê Tiến Đ trình bày như sau:

Bà L và Ông R chung sống như vợ chồng từ năm 1983, không đăng ký kết hôn. Năm 1984, cha mẹ Ông R là cụ Khòa, cụ Ngụy cho vợ chồng Ông R, bà L một phần đất tại ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để canh tác. Năm 1985, Ông R đăng ký tại UBND xã Long Phước, năm 1989 làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ, năm 1994 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00287/QSDĐ ngày 03 tháng 6 năm 1994, ông Nguyễn Văn R đứng tên, có diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 11.677 m², Ông R không biết chữ nên giao giấy đất cho bà L giữ. Ông R và bà L có 04 người con là anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D, thu nhập chính của gia đình là từ số đất ruộng này. Năm 2020, Ông R yêu cầu bà L đem giấy chứng nhận QSDĐ giao cho bà S giữ dùm, bà L là người trực tiếp giao giấy cho bà S nhưng phần đất này hiện nay vẫn do bà L cùng các con quản lý, sử dụng.

Ngày 30/10/2020, Ông R chết. Sau khi lo tang lễ cho Ông R xong thì gia đình có gặp bà S để yêu cầu giao lại giấy chứng nhận QSDĐ tuy nhiên bà S không trả với lý do là Ông R đã làm di chúc để lại phần đất này cho bà S hưởng nhưng bà S không đưa di chúc ra cho gia đình bà L xem.

Nay bà L và các con không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S vì Ông R

không biết chữ nên việc lập di chúc là không đúng, đồng thời QSDĐ này là tài sản chung của vợ chồng Ông R và bà L nên một mình Ông R không có quyền định đoạt.

Di chúc Ông R lập không hợp pháp do anh Dương Lê T ký làm chứng cũng là người nhận ủy quyền khởi kiện cho bà S, đồng thời tài sản được Ông R di chúc giao lại cho bà S là tài sản chung của vợ chồng Ông R và bà L là trái quy định. Do đó yêu cầu bà S trả lại cho các bị đơn giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ ngày 03 tháng 6 năm 1994 do UBND huyện Bến Cầu cấp, ông Nguyễn Văn R đứng tên. Việc chia di sản thừa kế của Ông R gia đình bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Những người làm chứng trình bày:*

+ Ông Dương Lê T: Ngày 21/8/2020, ông R có đến Công ty Luật TNHH Quốc tế An Phú - Chi nhánh Tây Ninh để trình bày ý chí, nguyện vọng sau khi qua đời thì em gái ông R là bà Nguyễn Thị S được thừa hưởng QSDĐ tại thửa 148, 172 tờ bản đồ số 5, diện tích 11.677 m² tại xã Long Phước, huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00207 (số phát hành C 910515) đã được UBND huyện Bến Cầu cấp cho ông R ngày 03/6/1994. Công ty đánh máy xong thì ông R nhờ ông Tài cùng 02 người khác là bà Nguyễn Thị B và bà Ngô Thị Lệ X làm chứng cho việc lập di chúc. Sau khi hoàn thiện di chúc có đọc lại cho ông R nghe, ông R đồng ý, thống nhất với bản di chúc và ký tên vào bản di chúc trước sự chứng kiến của 3 người làm chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông Tài đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng ông Tài không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị Lệ X: Ngày 21/8/2020 ông R có đến Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Luật TNHH Quốc tế An Phú để trình bày ý chí, nguyện vọng sau khi qua đời thì em gái ông R là bà Nguyễn Thị S được thừa hưởng QSDĐ tại thửa 148, 172 tờ bản đồ số 5, diện tích 11.677 m² tại xã Long Phước, huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00207 (số phát hành C 910515) đã được UBND huyện Bến Cầu cấp cho ông R ngày 03/6/1994. Công ty đánh máy xong thì ông R nhờ bà X cùng 02 người khác là bà Nguyễn Thị B và ông Dương Lê T làm chứng cho việc lập di chúc. Sau khi hoàn thiện di chúc có đọc lại cho ông R nghe, ông R đồng ý, thống nhất với bản di chúc và ký tên vào bản di chúc trước sự chứng kiến của 3 người làm chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà X đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng bà X không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B: Bà B là em ruột của ông R. Trước đây ông R nhiều lần

tâm sự với Bà B là vợ con ông R không chăm sóc, lo lắng cho ông R, hay đánh đập chửi bới ông R, mọi việc ông R đều nhờ em gái ruột là bà Nguyễn Thị S chăm lo cho ông. Vì thế ông R muốn lập di chúc để lại cho bà S được hưởng tài sản riêng của ông là QSDĐ tại thửa 148, 172 tờ bản đồ số 5, diện tích 11.677 m² tại xã Long Phước, huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00207 (số phát hành C 910515) đã được UBND huyện Bến Cầu cấp cho ông R ngày 03/6/1994, phần đất này là do cha mẹ ông R cho riêng ông R từ năm 1989. Bà B có chỉ ông R đến nhờ Luật sư để soạn di chúc giúp ông R. Ngày 21/8/2020 ông R đi cùng bà đến Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Luật TNHH Quốc tế An Phú. Ông R đưa bản chính giấy chứng nhận QSDĐ trên và trình bày ý chí, nguyện vọng là lập di chúc để sau khi ông R qua đời thì em gái ông R là bà S được thừa hưởng QSDĐ nêu trên. Ông R đến Công ty Luật TNHH Quốc tế An Phú - Chi nhánh Tây Ninh, nhờ đánh máy bản Di chúc và nhờ Bà B cùng 02 người là bà Ngô Thị Lệ X và ông Dương Lê T làm chứng cho việc lập di chúc. Sau khi hoàn thiện di chúc, có đọc lại cho ông R nghe, ông R đồng ý, thống nhất với bản di chúc và ký tên trước sự chứng kiến của 3 người làm chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập Bà B đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng Bà B không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị R1: Bà R1 là em ruột của ông R và là chị ruột của bà S. Khi ông R còn sống thì vợ con ông R không ai quan tâm, chăm sóc lo cho ông R, đôi khi còn đánh đập, chửi bới ông R. Từ năm 2018, ông R và bà L ly thân nên việc ăn uống, chăm sóc sức khỏe của ông R đều do bà S lo. Đối với phần đất đang tranh chấp thì có nguồn gốc là cha mẹ ruột của ông R chia cho 03 người con trai vào năm 1989 nên phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông R.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập Bà R1 đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng Bà R1 không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn R3: Ông là anh ruột của ông R và bà S. Đối với phần đất đang tranh chấp thì có nguồn gốc là cha mẹ ruột của ông R chia cho 03 người con trai vào năm 1989 nên phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông R không phải tài sản chung của ông R và bà L. Khi ông R còn sống thì vợ con ông R không ai quan tâm, chăm sóc lo lắng gì cho ông R, đôi khi còn đánh đập, chửi bới ông R. Từ năm 2018 ông R và bà L ly thân nên việc ăn uống, chăm sóc sức khỏe của ông R đều do bà S lo.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông R3 đến Tòa để lấy lời khai nhưng ông R3 không đến Tòa và có đơn xin vắng mặt. Tòa án triệu tập ông R3 đến phiên tòa với tư cách người làm chứng hợp lệ nhưng ông R3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H: Bà H là chị dâu của ông R và bà S, là vợ ông R3 (anh ruột của ông R). Khi ông R còn sống thì vợ con ông R không ai quan tâm, chăm sóc lo cho ông R, đôi khi còn đánh đập, chửi bới ông R. Từ năm 2018 ông R và bà L ly thân nên việc ăn uống, chăm sóc sức khỏe của ông R đều do bà S lo. Đối với phần đất đang tranh chấp thì có nguồn gốc là cha mẹ ruột của ông R chia cho 03 người con trai vào năm 1989 nên phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông R.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà H đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng bà H không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn V: Anh là con ruột của ông Nguyễn Văn R3, là cháu ruột của ông R và bà S. Anh có nghe các cô, chú trao đổi với nhau, kể lại rằng ông bà nội của ông khi còn sống có cho ông R3, ông Thiêm và ông R mỗi người một phần đất tại xã Long Phước, tất cả đã được đăng ký và cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Phần đất tranh chấp là ông bà nội của anh cho riêng ông R chứ không cho bà L. Khi ông R còn sống thì vợ con ông R không ai quan tâm, chăm sóc lo cho ông R, đôi khi còn đánh đập, chửi bới ông R. Từ năm 2018, ông R và bà L ly thân nên việc ăn uống, chăm sóc sức khỏe của ông R đều do bà S lo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập anh V đến Tòa để lấy lời khai và tham gia đối chất nhưng anh V không đến Tòa và có đơn yêu cầu vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị S đối với bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D đối với phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 03 tháng 6 năm 1994 đứng tên ông Nguyễn Văn R, tọa lạc tại ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao lại cho bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 03 tháng 6 năm 1994, ông Nguyễn Văn R đứng tên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-9-2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt có ủy quyền cho ông Diệp Văn C, ông Cường có mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn R theo di chúc lập ngày 21/8/2020.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Tại Tòa, các đương sự đều xác nhận nguồn gốc của phần đất tranh chấp là của cha mẹ Ông R tặng cho Ông R, Ông R đã đăng ký tại UBND xã Long Phước, huyện Bến Cầu từ năm 1985 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào năm 1994.

Ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị L chung sống với nhau từ trước năm 1986 (anh Nguyễn Văn L sinh năm 1986) nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thừa nhận hôn nhân của Ông R và bà L là hôn nhân thực tế và chịu sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì “*Vợ và chồng đều có quyền sở*

hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới” nên có cơ sở xác định phân đất mà bà S yêu cầu chia thừa kế là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Trần Thị L.

Trên thực tế Ông R, bà L đã quản lý, sử dụng phần đất này từ năm 1984 và gia đình Ông R, bà L cùng các con đã canh tác trên phần đất này để làm nguồn sống chính của gia đình. Từ sau khi Ông R chết, bà L cùng các con (anh Lý, Tý, Hon và chị Diễm) tiếp tục quản lý, canh tác trên diện tích đất này.

[3.2] Xem xét tính hợp pháp của di chúc:

Di chúc ngày 21-8-2020 được lập thành văn bản, có người làm chứng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S cho rằng Ông R lập di chúc cho bà phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 13.059,8 m²; theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 03 tháng 6 năm 1994, ông Nguyễn Văn R đứng tên.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án khác tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành và qua xác minh một số người dân sống ở địa phương và chính quyền địa phương thể hiện Ông R là người không biết chữ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 630 Bộ luật Dân sự: *“3. Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực”* nhưng di chúc mà Ông R lập không được công chứng, chứng thực. Việc Công ty Luật TNHH Quốc Tế An Phú – Chi nhánh Tây Ninh đánh máy, không phải do người làm chứng lập và cũng không được công chứng, chứng thực.

Tại Điều 634 Bộ Luật Dân sự quy định về Di chúc bằng văn bản có người làm chứng *“...Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”*. Di chúc mà Ông R lập chỉ có chữ ký và họ tên của 03 người làm chứng, nhưng không có xác nhận của người làm chứng về chữ ký hoặc điểm chỉ của Ông R; cũng không có xác nhận tình trạng sức khỏe, tinh thần của người lập di chúc. (Ngoài ra quá trình xác minh tại địa phương, một số người làm chứng xác nhận Ông R thường xuyên uống rượu).

[3.3] Đối với những người làm chứng: Trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập tất cả những người làm chứng để tham gia đối chất, nhưng tất cả những người làm chứng đều từ chối tham gia, làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt, gửi văn bản trình bày ý kiến chung một nội dung. Người làm chứng Dương Lê T là nhân viên của Công ty Luật TNHH Quốc Tế An Phú còn những người làm chứng khác đa số đều có mối quan hệ anh, chị, em ruột của bà S. Do đó, lời

trình bày của người làm chứng chỉ mang tính chất tham khảo, không được xem là chứng cứ chứng minh cho việc lập di chúc của Ông R.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Di chúc" lập ngày 21/8/2020 của ông Nguyễn Văn R không hợp pháp là có căn cứ. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 15 Luật HNGĐ 1959 các Điều 612, 624, 627, 628, 630 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị S đối với bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thị D đối với QSDĐ thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 03 tháng 6 năm 1994 đứng tên ông Nguyễn Văn R tại ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao lại cho bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số 00287/QSDĐ do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 03 tháng 6 năm 1994, ông Nguyễn Văn R đứng tên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà S phải chịu 8.000.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S không phải chịu, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014591 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0022786 ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Sang